

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-07-2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Trường

Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về vụ việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Long Thị S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Long Thị S trình bày:

Chị Long Thị S và anh Nông Văn K được tự do tìm hiểu, và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; ngày 23/5/2012, chị Long Thị S và anh Nông Văn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012. Sau khi kết hôn chị Long Thị S và anh Nông Văn K chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hơn ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân căng thẳng, mệt mỏi. Vợ chồng chị Long Thị S và anh Nông Văn K đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2015 đến nay, giữa hai bên

không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Long Thị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Long Thị S đề nghị được ly hôn với anh Nông Văn K.

Về con chung: Chị Long Thị S và anh Nông Văn K có một người con chung là cháu Nông Thị Long N, sinh ngày 23/3/2012; sau khi ly hôn chị Long Thị S yêu cầu anh Nông Văn K nuôi con và chị Long Thị S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nông Văn K vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Nông Văn K không hợp tác và không đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn. Tòa án đã thực hiện các biện pháp tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nông Văn K vẫn không có mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Nông Văn K vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nông Văn K là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Long Thị S và anh Nông Văn K là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đăng ký kết hôn số 13/2012, ngày 23/5/2012, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nguyên đơn chị Long Thị S trình bày vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Anh Nông Văn K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc chị Long Thị S xin ly hôn với anh Nông Văn K. Như vậy anh Nông Văn K đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình khi giải quyết vụ án. Tòa án đã lấy lời khai người làm chứng và xác minh với Ban công an xã T, huyện B về quá trình chung sống của anh Nông Văn K tại địa phương. Qua xác minh được ông Hoàng Văn S là phó thôn N, xã T cho biết anh Nông Văn K và chị Long Thị S vẫn cư trú tại địa phương, về tình cảm vợ chồng thì ông không biết cụ thể giữa chị Long Thị S và anh Nông Văn K có mâu thuẫn gì xảy ra, tuy nhiên chị Long Thị S đã bỏ nhà đi khoảng 4 năm nay không thấy về nhà bao giờ. Về quan điểm ly hôn giữa chị Long Thị S và anh Nông Văn K ông Hoàng Văn S không có ý kiến gì.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Long Thị S và anh Nông Văn K: Thấy rằng anh Nông Văn K không đến Tòa án trong quá trình giải quyết ly

hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Long Thị S có đơn xin ly hôn với anh Nông Văn K. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Long Thị S và anh Nông Văn K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Long Thị S yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Long Thị S là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Long Thị S và anh Nông Văn K có một người con chung là cháu Nông Thị Long N, sinh ngày 23/3/2012 hiện đang ở với anh Nông Văn K; sau khi ly hôn chị Long Thị S yêu cầu anh Nông Văn K nuôi con và chị Long Thị S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Nông Văn K là bố của cháu Nông Thị Long N không có mặt tại tòa. Tòa án đã đi xác minh với mẹ đẻ anh Nông Văn K là bà Dương Thị N1 qua xác minh được biết anh Nông Văn K đã biết việc tòa án triệu tập đến Tòa để giải quyết việc ly hôn nhưng anh không đến; cháu Nông Thị Long N đang ở với bố và bà nội. Cháu Nông Thị Long N đang học lớp 3b trường tiểu học xã T, huyện B; cháu có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với anh Nông Văn K; cháu Nông Thị Long N phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Anh Nông Văn K không có mặt và không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt cho trẻ em, Hội đồng xét xử giao con cháu Nông Thị Long N cho anh Nông Văn K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Long Thị S trình bày là không có. Anh Nông Văn K vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định khi được Tòa án triệu tập; bị đơn không chấp hành quy định khi được tòa án triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Long Thị S với anh Nông Văn K. Nguyên đơn chị Long Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Về con chung đề nghị giao cháu Nông Thị Long N cho anh Nông Văn K.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Long Thị S được ly hôn với anh Nông Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị Long N, sinh ngày 23/3/2012, cho anh Nông Văn K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Long Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Long Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2017/00010020 ngày 05/5/2021. Chị Long Thị S đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xử vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Đức